| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 89/2020/DS-PT
Ngày: 31 - 12 - 2020
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Ngọc Hà.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Minh Thu;

Ông Trần Minh Quang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Thiện Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2020/DS-PT ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Ngân hàng NN Việt Nam; Địa chỉ: Số 2 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T – Giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam – Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019), địa chỉ: khu phố 3, phường V, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; Ông T ủy quyền lại cho ông Lê Văn Th – Phó giám đốc Chi nhánh (Giấy ủy quyền ngày 04/9/2020), ông Th có mặt.

***2.Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thái N – sinh năm 1959, bà Trần Thị M – sinh năm 1963; Nơi cư trú: khu phố U, phường HHB, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Ngô Minh T – sinh năm 1975; Địa chỉ: 265 đường N, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông N, bà M vắng mặt, ông T có mặt.

-***Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng NN Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ (nay là thị xã Đ) do ông Lê Văn Th trình bày: Theo sổ vay vốn, ngày 11/6/2018, nguyên đơn cho bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M vay 100.000.000đ để chăn nuôi heo, với lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 13, 5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là ngày 11/6/2019. Hình thức đảm bảo khoản vay, bị đơn ông N, bà M có cam kết bảo đảm bằng tài sản là căn nhà cấp 4, có diện tích 140m2 xây dựng trên diện tích đất tọa lạc tại thôn khu phố U, phường HHB, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố U, phường HHB, thị xã Đ); Nguyên đơn giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH01063) do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 29/01/2016 cho vợ chồng bị đơn, hai bên không ký hợp đồng thế chấp tài sản và không đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định vẫn đang giữ, không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ để phát mãi, kê biên. Ngân hàng yêu cầu ông N, bà M phải trả số tiền vay còn nợ là 16.342.602đ (trong đó nợ gốc là 15.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.342.602đ) và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020. Bị đơn trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng, thì ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bị đơn. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Theo tài liệu có tại hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M do người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Minh T trình bày: Bị đơn thừa nhận có vay của Ngân hàng NN Việt Nam – chi nhánh huyện Đ (nay là thị xã Đ) như nguyên đơn trình bày và hiện nay còn nợ 15.000.000đ tiền gốc, đối với tiền lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.342.602 và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020 yêu cầu Tòa xem xét giải quyết theo quy định. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà M trả số tiền vay còn nợ, ông bà chấp nhận trả nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả ngay hết số nợ được, đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật.

Ngày 16/4/2020, bị đơn có đề đơn phản tố: Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 29/01/2016 cho ông N, bà M gửi tín chấp tại ngân hàng và ngân hàng còn giữ, nhưng Chi cục thi hành án dân sự huyện (nay thị xã) Đ kê biên, bán tài sản hai ông bà là không đảm bảo về quyền sở hữu tài sản nên yêu cầu tòa án đưa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án để xem xét các quyết định kê biên tài sản, cưỡng chế thi hành án và bán đấu giá tài sản nếu trái với quy định pháp luật thì hủy các quyết định này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147,200 và 201 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân Hàng NN tổng số tiền là 16.342.602đồng *(Mười sáu triệu đồng*) ( trong đó, nợ gốc là 15.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.342.602đ) và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020.

Khi bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M thực hiện nghĩa vụ trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng, thì ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01063 được UBND huyện Đ (nay thị xã Đ) cấp ngày 29/01/2016 cho bị đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M về việc đưa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà M, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà M ông N phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, đưa Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét giải quyết đối với các quyết định kê biên, bán đấu giá và cưỡng chế thi hành án nhà đất của bị đơn do tài sản của bị đơn đang được thế chấp tại Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M về khoản nợ vay: Căn cứ Sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số NI0358802 ngày 20/6/2017, giữa Ngân hàng NN và bị đơn xác lập hợp đồng vay tài sản, đến ngày 11/6/2018, Ngân hàng cho bị đơn vay 100.000.000đ mục đích chăn nuôi heo, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn cuối cùng 11/6/2019. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã trả được một phần nợ, tính đến ngày 05/8/2020, bị đơn bà M, ông N còn nợ Ngân hàng 16.342.602đ (trong đó nợ gốc 15.000.000đ, nợ lãi 1.342.602đ) và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020, ông N, bà M chấp nhận còn nợ vốn gốc như trên, tiền lãi yêu cầu Tòa án xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả ngay hết số nợ được. Việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền trên nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nhiệp bà M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng NN Việt Nam số tiền 16.342.602đ (trong đó nợ gốc 15.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.342.602đ) và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020 là có căn cứ.

[2]Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu đưa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng cho rằng khoản vay của bị đơn là khoản vay có thế chấp tài sản do bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 29/01/2016 cho bị đơn, giữa Ngân hàng và bị đơn không ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật vì theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ) cho phép Ngân hàng cho vay chỉ giữ Giấy tờ về quyền sử dụng đất. Khi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản của bị đơn để thi hành Bản án có hiệu lực pháp luật có đề nghị Ngân hàng phối hợp giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn để giao tài sản cho người mua tài sản trúng đấu giá nhưng Ngân hàng không giao. Tuy nhiên, Ngân hàng không kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, khi án có hiệu lực pháp luật sẽ yêu cầu thi hành án chứ không ý kiến gì đối với việc Chi cục thi hành án thị xã Đ kê biên, bán đấu giá tài sản và cưỡng chế thi hành án, đề nghị bị đơn khởi kiện bằng vụ án khác nếu cho rằng quá trình thi hành án có vi phạm. Xét thấy, căn cứ Sổ vay vốn của vợ chồng bị đơn ngay tại mục đề đã ghi "Sổ vay vốn (kiêm hợp đồng tín dụng) dùng cho hộ gia đình, cá nhân vay vốn không

phải bảo đảm bằng tài sản", đối chiếu Điều 4, khoản 2, 3, 4 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định 116/2018/NĐ-CP), thì đây là khoản vay không có tài sản bảo đảm. Căn cứ các Điều 298, 319 BLDS, các Điều 95, 167, 188 Luật đất đai 2013, việc Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn không đảm bảo trình tự thủ tục về đăng ký biện pháp bảo đảm. Việc Chi cục thi hành án dân sự huyện (nay thị xã) Đ kê biên tài sản, cưỡng chế thi hành án quyền sử dụng đất tại thửa số 176, tờ bản đồ 19, diện tích 352m$^2$ tọa lạc tại khu phố U, phường HHB, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 ngày 29/01/2016 do UBND huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M do nguyên đơn Chi nhánh Ngân hàng NN Việt Nam tại thị xã Đ đang giữ để thi hành một vụ án khác, ông N, bà M cho rằng các quyết định kê biên tài sản, cưỡng chế thi hành án và bán đấu giá tài sản của Chi cục thi hành án thị xã Đ trái quy định pháp luật thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đơn phản tố ngày 16/4/2020 của bị đơn không thuộc trường hợp phản tố, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M về việc đưa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ. Khi bị đơn trả đủ vốn gốc và lãi còn nợ nói trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 ngày 29/01/2016 cho ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M.

[3]Bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M.

[4]Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng NN Việt Nam tổng số tiền là 16.342.602đồng *(Mười sáu triệu đồng*) ( trong đó, nợ gốc là 15.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 05/8/2020 là 1.342.602đ) và lãi phát sinh sau ngày 05/8/2020.

Khi bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M thực hiện nghĩa vụ trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng, thì ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396975 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 01063) do UBND huyện Đ (nay thị xã Đ) cấp ngày 29/01/2016 cho bị đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M về việc đưa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà M, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà M ông N phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**Về án phí:** Bị đơn bị đơn ông Nguyễn Thái N, bà Trần Thị M phải chịu 817.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đồng được đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 0003632 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TX.Đ, nên còn phải nộp 817.000đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Chi nhánh Ngân hàng NN Việt Nam tại thị xã Đ 750.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 0014131 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TX.Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tp T (2)
- Chi cục THADS Tp T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Hà**

**Các Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Tấn Hoàng**